

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã
giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định 193/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 61 /TTr-SKHĐT ngày 24/11/2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Hỗ trợ hợp tác xã giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình Hỗ trợ hợp tác xã giai đoạn 2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Bộ KH&ĐT (để tổng hợp) ;
- Bộ Tài chính (để tổng hợp);
- TTr. Tỉnh ủy (b/c);
- TTr. HĐND Tỉnh (b/c);
- UB MTTQ và các đoàn thể (để p/h);
- Chủ tịch và các PCT UBND Tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở: GTVT, TN&MT, Du lịch, XD;
- NHNN chi nhánh Tỉnh;
- Cục thuế Tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo BR-VT;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Lưu VT; TH_g *dy*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *Phnh*

HÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn
2017 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung: Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã (viết tắt là HTX) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo các nội dung của Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế HTX giai đoạn 2015 – 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014, nhằm khuyến khích tạo điều kiện phát triển HTX mới; nâng cao trình độ năng lực quản lý của cán bộ HTX, góp phần thúc đẩy HTX phát triển bền vững, chất lượng và tăng sức cạnh tranh; nâng cao thu nhập cho thành viên và người lao động, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở.

b) Một số mục tiêu cụ thể giai đoạn 2017-2020

- Hỗ trợ thành lập mới 34 HTX.

- Thu nhập bình quân của người lao động trong HTX giai đoạn 2017-2020 đạt 60 triệu đồng/năm.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX qua đào tạo trình độ trung cấp đạt khoảng 60% và trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt khoảng 18%.

- Phân đầu đến năm 2020, có trên 55% HTX hoạt động có hiệu quả xếp loại khá, giỏi; không có HTX yếu kém; 100% các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở hoạt động kinh doanh có lãi, trong đó có 90% trở lên xếp loại khá, giỏi, không có quỹ tín dụng nhân dân cơ sở bị thu hồi giấy phép kinh doanh.

2. Yêu cầu

Các chính sách áp dụng trên địa bàn Tỉnh đảm bảo đúng đối tượng, phù hợp với các nội dung quy định tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành; phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đảm bảo tính hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Phạm vi áp dụng

Kế hoạch hỗ trợ phát triển HTX áp dụng trong giai đoạn 2017 – 2020 trên phạm vi toàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

- Hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp HTX (gọi chung là HTX) thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012 và đáp ứng có đủ các tiêu chí, điều kiện cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định trong Kế hoạch này.

- Thành viên, sáng lập viên, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu thành lập và tham gia HTX.

- Cơ quan, cán bộ quản lý Nhà nước về HTX và các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến phát triển HTX.

3. Điều kiện hỗ trợ chung

- HTX thành lập, tổ chức và hoạt động theo đúng các nguyên tắc và quy định của Luật HTX năm 2012.

- Có nhu cầu được hỗ trợ, đáp ứng các điều kiện, tiêu chí cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định trong Chương trình.

III. NỘI DUNG

1. Chính sách hỗ trợ chung đối với các HTX

a) Chính sách hỗ trợ tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các HTX

- Đối tượng hỗ trợ: Cán bộ quản lý và thành viên HTX trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Điều kiện, tiêu chí hỗ trợ: Được HTX cử đi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của HTX *(có văn bản đề nghị được hỗ trợ bồi dưỡng của HTX)*.

- Nội dung tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng:

+ Tuyên truyền: tổ chức Luật HTX 2012, các văn bản pháp luật mới liên quan đến kinh tế tập thể, HTX;

+ Bồi dưỡng kỹ năng: Bán hàng và văn hóa kinh doanh; lớp bồi dưỡng cán bộ kiểm soát HTX theo Luật HTX 2012; kỹ năng trong lãnh đạo quản lý, nghiệp vụ quản lý tài chính HTX theo Luật HTX 2012; kỹ năng mềm giành cho cán bộ quỹ tín dụng nhân dân;

+ Tập huấn về xây dựng và phát triển thương hiệu; xây dựng - Quản lý mô hình HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa;

+ Tổ chức hội thảo chuyên đề phát triển hệ thống phân phối, mạng lưới bán lẻ của HTX trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ:

+ Tuyên truyền Luật HTX 2012, các văn bản pháp luật mới liên quan đến kinh tế tập thể, HTX: Từ nguồn Ngân sách Tỉnh. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Tập huấn, bồi dưỡng: Từ nguồn Ngân sách Trung ương. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định hiện hành.

- Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2017-2020: Tổ chức 42 lớp, tổng kinh phí thực hiện là 2.035.695.000 đồng. Trong đó: 27 lớp tuyên truyền, kinh phí 988,35 triệu đồng; 15 lớp tập huấn, bồi dưỡng 1.037,345 triệu đồng.

Phân kỳ thực hiện hàng năm như sau:

- Năm 2017: Tổ chức 10 lớp; kinh phí hỗ trợ: 494,695 triệu đồng, trong đó:

+ Tuyên truyền: 05 lớp; kinh phí: 143,35 triệu đồng.

+ Tập huấn bồi dưỡng: 05 lớp; kinh phí 351,345 triệu đồng.

- Năm 2018: Tổ chức 11 lớp; kinh phí hỗ trợ: 505,5 triệu đồng, trong đó:

+ Tuyên truyền: 07 lớp; kinh phí: 234,5 triệu đồng.

+ Tập huấn bồi dưỡng: 04 lớp; kinh phí 271 triệu đồng.

- Năm 2019: Tổ chức 11 lớp; kinh phí hỗ trợ: 510 triệu đồng, trong đó

+ Tuyên truyền: 08 lớp; kinh phí: 315 triệu đồng.

+ Tập huấn bồi dưỡng: 03 lớp; kinh phí 195 triệu đồng.

- Năm 2020: Tổ chức 10 lớp; kinh phí hỗ trợ: 525,5 triệu đồng, trong đó:

+ Tuyên truyền: 07 lớp; kinh phí: 305,5 triệu đồng.

+ Tập huấn bồi dưỡng: 03 lớp; kinh phí 220 triệu đồng.

(Theo Biểu số 1 đính kèm).

b) Chính sách hỗ trợ thành lập mới HTX, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã

- Điều kiện, tiêu chí

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập HTX hoặc tham gia HTX (có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới HTX).

+ Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2013 tổ chức lại hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Nội dung hỗ trợ

+ Hỗ trợ kinh phí tổ chức các lớp tập huấn, cung cấp thông tin, tư vấn về quy định của pháp luật về HTX cho các sáng lập viên HTX trước khi thành lập: Thù lao giảng viên, báo cáo viên, phụ cấp tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên; chi nước uống cho học viên; chi mua, in ấn tài liệu và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức lớp; chi thông tin tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về HTX.

+ Hỗ trợ kinh phí tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của HTX

+ Tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Nguồn kinh phí do sách Tỉnh hỗ trợ

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí đối với thành lập mới HTX, đăng ký thay đổi theo quy định của Luật Hợp tác xã.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí đối với việc tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập. Phần kinh phí còn lại do hợp tác xã tự trang trải từ nguồn của hợp tác xã hoặc huy động từ những nguồn hợp pháp khác.

- Mức hỗ trợ:

Mức hỗ trợ thành lập mới HTX thực hiện theo thông tư số 340/2016/TT-BTC, ngày 29 tháng 12 năm 2016, nhưng mức hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đồng/HTX đối với HTX thành lập mới; HTX tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012 và không quá 10.000.000 đồng/HTX đối với HTX tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

- Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2017-2020

+ Thành lập mới: 35 HTX; Tổng dự toán kinh phí hỗ trợ dự kiến tối đa khoảng 700.000.000 đồng.

+ Tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012: 03 HTX; tổng dự toán kinh phí hỗ trợ dự kiến tối đa khoảng là 60.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập: Căn cứ nhu cầu, đề xuất thực tế của HTX để xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm.

(Theo Biểu số 2 đính kèm).

c) Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường: Thực hiện theo Kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2017-2020 (trong đó có hỗ trợ HTX) đã được UBND Tỉnh phê duyệt (Kế hoạch số 92/UBND ngày 17/11/2015) do Sở Công thương chủ trì thực hiện.

d) Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới: Thực hiện hỗ trợ theo Chương trình Khoa học công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 của UBND tỉnh, do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện.

2. Chính sách hỗ trợ riêng đối với hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp

Ngoài việc được hưởng các hỗ trợ, ưu đãi trên, các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp còn được hưởng các hỗ trợ ưu đãi sau:

a) Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

- Nội dung hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 80% kinh phí xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nhằm phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên các HTX bao gồm: trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp, giao thông đồng nội; HTX đóng góp tối thiểu 20% tổng mức đầu tư của dự án.

- Điều kiện, tiêu chí

+ Ưu tiên các HTX có quy mô lớn về thành viên, tạo quy mô hàng hóa lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; HTX hoạt động trên các địa bàn khó khăn.

+ Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của HTX phải nhằm mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh chung cho cộng đồng thành viên HTX, phải thực hiện theo đúng các thủ tục về đầu tư và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Hỗ trợ xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh cho cộng đồng thành viên HTX bao gồm: trụ sở, sân phơi, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, điện, nước sinh hoạt, chợ, công trình thủy lợi, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, cửa hàng vật tư nông nghiệp, giao thông nội đồng.

+ Hỗ trợ của nhà nước là tài sản không chia của HTX, HTX tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi HTX giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển vào ngân sách địa phương cùng cấp với cơ quan đăng ký HTX.

- Kế hoạch giai đoạn 2017-2020: Tổng mức đầu tư các dự án: 32.956.200.000 đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ: 26.364.960.000 đồng; HTX đóng góp 6.591.240.000 đồng.

Phân kỳ thực hiện hàng năm như sau

Năm 2017: 7.481 triệu đồng.
Năm 2018: 8.045,2 triệu đồng.
Năm 2019: 9.630 triệu đồng.
Năm 2020: 7.800 triệu đồng.

(Theo Biểu số 3 đính kèm).

- Nguồn hỗ trợ và mức hỗ trợ: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa 80% tổng mức đầu tư của dự án, HTX đóng góp tối thiểu 20% tổng mức đầu tư của dự án.

b) Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh: Đối với hợp tác xã khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh được thực hiện theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

c) Hỗ trợ chế biến sản phẩm: Đối với hợp tác xã được thực hiện theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

IV. TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN: Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch hỗ trợ HTX giai đoạn 2017-2020 Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo các nội dung của Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã là: 35.891.895.000 đồng *(Ba mươi lăm tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn)*, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 27.402.305.000 đồng
- Ngân sách Tỉnh: 1.898.350.000 đồng.
- Hợp tác xã đóng góp: 6.591.240.000 đồng

Phân kỳ thực hiện hàng năm như sau:

Năm 2017: Tổng cộng 8.195.695.000 đồng, Trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 6.336.145.000 đồng
- Ngân sách Tỉnh: 363.350.000 đồng.
- Hợp tác xã đóng góp: 1.496.200.000 đồng

Năm 2018: Tổng cộng 8.770.700.000 đồng, Trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 6.707.160.000 đồng
- Ngân sách Tỉnh: 454.500.000 đồng.
- Hợp tác xã đóng góp: 1.609.040.000 đồng

Năm 2019: Tổng cộng 10.380.000.000 đồng, Trong đó:

- + Ngân sách Trung ương: 7.899.000.000 đồng

- Ngân sách Tỉnh: 555.000.000 đồng.
- Hợp tác xã đóng góp: 1.926.000.000 đồng
- Năm 2020: Tổng cộng 8.545.500.000 đồng, Trong đó:
- + Ngân sách Trung ương: 6.460.000.000 đồng
- Ngân sách Tỉnh: 525.500.000 đồng.
- Hợp tác xã đóng góp: 1.560.000.000 đồng

(Theo Biểu số 4 đính kèm).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Tỉnh, các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND Tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch trong toàn Tỉnh đảm bảo đúng mục tiêu, hiệu quả; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Hàng năm, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các sở ngành, Liên minh HTX Tỉnh và UBND các huyện, thành phố, tổng hợp trình UBND Tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định phân giao Kế hoạch sau khi có thông báo Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tham gia thực hiện Kế hoạch thẩm định, tổng hợp trong dự toán ngân sách địa phương, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của luật Ngân sách.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí để chủ trì thực hiện nội dung hỗ trợ riêng đối với hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp thuộc phạm vi được giao gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hàng năm và Kế hoạch hỗ trợ HTX giai đoạn 2017-2020. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Công thương: Thực hiện hỗ trợ xúc tiến thương mại theo Kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020 đã được UBND Tỉnh phê duyệt (*Kế hoạch số 92/UBND ngày 17/11/2015*). Hàng năm, báo cáo UBND Tỉnh kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ này để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương. Đồng thời, thông báo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý Nhà nước về HTX (Sở Kế hoạch và Đầu tư) theo quy định tại Nghị định số 193/2013 ngày 21/11/2013 của Chính phủ để tổng hợp chung để tổng hợp chung.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Thực hiện hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới cho các HTX theo Chương trình Khoa học công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá tỉnh Bà Rịa

- Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020 đã được UBND Tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 10/7/2014. Hàng năm, báo cáo UBND Tỉnh kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ này để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, thông báo kết quả thực hiện cho cơ quan quản lý Nhà nước về HTX (Sở Kế hoạch và Đầu tư) theo quy định tại Nghị định số 193/2013 ngày 21/11/2013 của Chính phủ để tổng hợp chung.

6. Các sở, ban, ngành thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với HTX theo lĩnh vực quản lý Nhà nước được giao: Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ theo các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý Nhà nước chuyên ngành hàng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp; báo cáo kết quả thực hiện theo phạm vi được giao gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh.

7. Liên minh Hợp tác xã Tỉnh: Hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí để chủ trì thực hiện nội dung tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các HTX thuộc phạm vi được giao, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hàng năm và Kế hoạch hỗ trợ HTX giai đoạn 2017-2020. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

8. UBND các huyện, thành phố: Hàng năm, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của các HTX thuộc địa phương mình quản lý và dự toán kinh phí gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hàng năm và Kế hoạch hỗ trợ HTX giai đoạn 2017-2020. Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình kết quả thực hiện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh.

Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, ban, ngành, địa phương có ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *gmmh*



Nguyễn Thành Long



Biểu 1: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ tuyên truyền tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng Hợp tác xã giai đoạn 2017-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

STT	Nội dung	Tổng cộng		Phân kỳ hàng năm							
				Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		SL lớp	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL lớp	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL lớp	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL lớp	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL lớp	Tổng kinh phí (triệu đồng)
1	Bồi dưỡng nguồn nhân lực (Nguồn ngân sách TW)	15	1,037.35	5	351.35	4	271.00	3	195.00	3	220.00
2	Tuyên truyền Luật HTX và các văn bản liên quan (Nguồn ngân sách tỉnh)	27	998.35	5	143.35	7	234.50	8	315.00	7	305.50
Tổng cộng		42	2,035.70	10	494.70	11	505.50	11	510.00	10	525.50



Biểu 2: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động Hợp tác xã giai đoạn 2017-2020
 (Báo cáo kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Đơn vị	Tổng cộng		Phân kỳ hàng năm							
				Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)
I	Hỗ trợ thành lập mới	35	700	10	200	8	160	9	180	8	160
1	UBND thành phố Vũng Tàu	11	220	2	40	3	60	3	60	3	60
2	UBND thành phố Bà Rịa	2	40	1	20	-	-	-	-	1	20
3	UBND huyện Châu Đức	5	100	2	40	1	20	1	20	1	20
4	UBND huyện Côn Đảo	1	20	-	-	-	-	1	20	-	-
5	UBND huyện Đất Đỏ	4	80	1	20	1	20	1	20	1	20
6	UBND huyện Long Điền	3	60	2	40	-	-	1	20	-	-
7	UBND huyện Tân Thành	1	20	-	-	1	20	-	-	-	-
8	UBND huyện Xuyên Mộc	8	160	2	40	2	40	2	40	2	40
II	Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX năm 2012	3	60	3	60	-	-	-	-	-	-
	UBND huyện Long Điền	3	60	3	60	-	-	-	-	-	-
III	Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của HTX do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập	Căn cứ đề xuất thực tế của HTX để xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hàng năm.									
	Tổng	38	760	13	260	8	160	9	180	8	160

**Biểu 3: Tổng hợp kinh phí hỗ trợ kết cấu hạ tầng các Hợp tác xã
trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp giai đoạn 2017-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)



Nội dung	Tổng cộng		Phân kỳ hàng năm							
			Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)
I Trụ sở làm việc	19	7,030.0	-	-	19	7,030.0	-	-	-	-
1 UBND thành phố Vũng Tàu	1	390.0			1	390.0				
2 UBND thành phố Bà Rịa	4	1,080.0			4	1,080.0				
3 UBND huyện Châu Đức	2	780.0			2	780.0				
4 UBND huyện Côn Đảo	1	490.0			1	490.0				
5 UBND huyện Đất Đỏ	1	390.0			1	390.0				
6 UBND huyện Long Điền	2	780.0			2	780.0				
7 UBND huyện Tân Thành	2	780.0			2	780.0				
8 UBND huyện Xuyên Mộc	6	2,340.0			6	2,340.0				
II Sân phơi, nhà kho, cửa hàng VTNN	23	6,300.0	-	-	-	-	23	6,300.0	-	-
1 UBND thành phố Vũng Tàu	-	-					-	-		
2 UBND thành phố Bà Rịa	3	600.0					3	600.0		
3 UBND huyện Châu Đức	3	1,210.0					3	1,210.0		
4 UBND huyện Côn Đảo	2	1,250.0					2	1,250.0		
5 UBND huyện Đất Đỏ	-	-					-	-		
6 UBND huyện Long Điền	1	250.0					1	250.0		
7 UBND huyện Tân Thành	8	1,540.0					8	1,540.0		
8 UBND huyện Xuyên Mộc	6	1,450.0					6	1,450.0		
III Xưởng sơ chế, chế biến	15	7,800.0	-	-	-	-	-	-	15	7,800.0
1 UBND thành phố Vũng Tàu	-	-							-	-
2 UBND thành phố Bà Rịa	2	750.0							2	750.0
3 UBND huyện Châu Đức	4	2,700.0							4	2,700.0
4 UBND huyện Côn Đảo	1	1,000.0							1	1,000.0
5 UBND huyện Đất Đỏ	-	-							-	-
6 UBND huyện Long Điền	-	-							-	-
7 UBND huyện Tân Thành	3	700.0							3	700.0
8 UBND huyện Xuyên Mộc	5	2,650.0							5	2,650.0
IV Công trình điện, nước sinh hoạt, chợ	13	7,481.0	13	7,481.0	-	-	-	-	-	-
1 UBND thành phố Vũng Tàu	-	-								

STT	Nội dung	Tổng cộng		Phân kỳ hàng năm							
				Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)	SL	Tổng kinh phí (triệu đồng)
2	UBND thành phố Bà Rịa	1	300.0	1	300.0						
3	UBND huyện Châu Đức	2	330.0	2	330.0						
4	UBND huyện Côn Đảo	1	2,000.0	1	2,000.0						
5	UBND huyện Đất Đỏ	2	3,181.0	2	3,181.0						
6	UBND huyện Long Điền	2	240.0	2	240.0						
7	UBND huyện Tân Thành	3	390.0	3	390.0						
8	UBND huyện Xuyên Mộc	2	1,040.0	2	1,040.0						
V	Công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp	3	3,330.0	-	-	-	-	3	3,330.0	-	-
1	UBND thành phố Vũng Tàu	-	-					-	-		
2	UBND thành phố Bà Rịa	-	-					-	-		
3	UBND huyện Châu Đức	-	-					-	-		
4	UBND huyện Côn Đảo	1	2,500.0					1	2,500.0		
5	UBND huyện Đất Đỏ	-	-					-	-		
6	UBND huyện Long Điền	-	-					-	-		
7	UBND huyện Tân Thành	1	30.0					1	30.0		
8	UBND huyện Xuyên Mộc	1	800.0					1	800.0		
VI	Công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản	2	1,015.2	-	-	2	1,015.2	-	-	-	-
1	UBND thành phố Vũng Tàu	1	265.2			1	265.2				
2	UBND thành phố Bà Rịa	-	-			-	-				
3	UBND huyện Châu Đức	-	-			-	-				
4	UBND huyện Côn Đảo	-	-			-	-				
5	UBND huyện Đất Đỏ	1	750.0			1	750.0				
6	UBND huyện Long Điền	-	-			-	-				
7	UBND huyện Tân Thành	-	-			-	-				
8	UBND huyện Xuyên Mộc	-	-			-	-				
	Tổng cộng	75	32,956.2	13	7,481.0	21	8,045.2	26	9,630.0	15	7,800.0

**— Biểu 4: Tổng hợp kinh phí thực hiện kế hoạch hỗ trợ Hợp tác xã
giai đoạn 2017-2020 —**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3567/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2017
của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

ĐVT: triệu đồng



Nội dung	Tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực	Thành lập mới Hợp tác xã	Tổ chức lại Hợp tác xã	Đầu tư kết cấu hạ tầng của các hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp	Tổng cộng
Giai đoạn 2017-2020	2,035.695	700.000	240.000	32,956.200	35,931.895
<i>Trong đó:</i>					
NSTW	1,037.345	-	-	26,364.960	27,402.305
NSĐP	998.350	700.000	240.000	-	1,938.350
HTX	-	-	-	6,591.240	6,591.240
<i>Phân kỳ hàng năm:</i>					
Năm 2017	494.695	200.000	60.000	7,481.000	8,235.695
NSTW	351.345	-	-	5,984.800	6,336.145
NSĐP	143.350	200.000	60.000	-	403.350
HTX	-	-	-	1,496.200	1,496.200
Năm 2018	505.500	160.000	60.000	8,045.200	8,770.700
NSTW	271.000	-	-	6,436.160	6,707.160
NSĐP	234.500	160.000	60.000	-	454.500
HTX	-	-	-	1,609.040	1,609.040
Năm 2019	510.000	180.000	60.000	9,630.000	10,380.000
NSTW	195.000	-	-	7,704.000	7,899.000
NSĐP	315.000	180.000	60.000	-	555.000
HTX	-	-	-	1,926.000	1,926.000
Năm 2020	525.500	160.000	60.000	7,800.000	8,545.500
NSTW	220.000	-	-	6,240.000	6,460.000
NSĐP	305.500	160.000	60.000	-	525.500
HTX	-	-	-	1,560.000	1,560.000